HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 185 /NQ-HĐND	*Vĩnh Cửu, ngày 19 tháng 12 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu (lần 6)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU
KHÓA XII – KỲ HỌP THỨ 21

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 23/2020/NQ-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 3330/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (đợt 4);

Trên cơ sở Nghị quyết số 172/NQ-HĐND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện (Lần 5);

Xét Tờ trình số 226/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai

đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu (lần 6); Báo cáo thẩm tra số 63/BC-BKTXH ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu (lần 6). Cụ thể:

I. Nội dung phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (đã được HĐND huyện thông qua tại Nghị quyết số 172/NQ-HĐND ngày 07/11/2024)

Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh lần 5 là **1.788.927 triệu đồng**. Cụ thể:

1. Nguồn vốn đã bố trí sau điều chỉnh lần 5:	**1.747.681 triệu đồng.**
- Nguồn vốn ngân sách tập trung:	636.913 triệu đồng.
- Nguồn vốn xổ số kiến thiết:	458.034 triệu đồng.
- Nguồn thu tiền sử dụng đất:	561.016 triệu đồng.
- Nguồn tài nguyên nước:	30.050 triệu đồng.
- Nguồn thưởng vượt thu năm 2021:	47.668 triệu đồng.
- Nguồn thu phí sử dụng hạ tầng:	14.000 triệu đồng.
2. Nguồn vốn còn lại chưa phân bổ sau lần 5:	**41.246 triệu đồng.**
- Nguồn vốn ngân sách tập trung:	8.895 triệu đồng.
- Nguồn vốn xổ số kiến thiết:	18.367 triệu đồng.
- Nguồn thu tiền sử dụng đất:	13.984 triệu đồng.

II. Nội dung điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 6).

1. Căn cứ:

Căn cứ Văn bản số 5284/SKHĐT-TĐ ngày 16/10/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc thông báo số kiểm tra kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 của cấp huyện;

Căn cứ nội dung triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2024 và tổng hợp nội dung đăng ký kế hoạch đầu tư công năm 2025 và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện.

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1 Điều chỉnh tăng nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025:

- Bổ sung nguồn vốn ngân sách tập trung giai đoạn 2021-2025 là 44.848 triệu đồng.

- Bổ sung nguồn vốn xổ số kiến thiết giai đoạn 2021-2025 là 86.595 triệu đồng.

*** Nguồn vốn trung hạn 2021 -2025 sau điều chỉnh:**

1.920.370 triệu đồng.

- Nguồn vốn ngân sách tập trung:	690.656 triệu đồng.
- Nguồn vốn xổ số kiến thiết:	562.996 triệu đồng.
- Nguồn thu tiền sử dụng đất:	575.000 triệu đồng.
- Nguồn tài nguyên nước:	30.050 triệu đồng.
- Nguồn thưởng vượt thu năm 2021:	47.668 triệu đồng.
- Nguồn thu phí sử dụng hạ tầng:	14.000 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm)

2.2 Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn (điều chỉnh qua lại các nguồn vốn ngân sách tập trung, xổ số kiến thiết, thu sử dụng đất nhưng không làm thay đổi tổng nguồn trung hạn đã bố trí cho dự án) bố trí trong trung hạn 2021-2025 của một số dự án theo tiến độ triển khai nhằm đảm bảo việc điều chỉnh kế hoạch năm 2024 và giao kế hoạch năm 2025.

2.3 Bổ sung kế hoạch vốn 05 dự án được Hội đồng nhân dân huyện phê duyệt chủ trương đầu tư (tại kỳ họp thứ 21 HĐND huyện Khóa XII) và 02 dự án lập quy hoạch nhưng chưa bố trí vốn thực hiện dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 39.413 triệu đồng.

Cụ thể:

- Nguồn vốn ngân sách tập trung:

+ Vốn chưa phân bổ sau lần 5: 8.895 triệu đồng

+ Tăng nguồn vốn trung hạn 2021-2025: 44.848 triệu đồng.

+ Điều chỉnh giảm: 26.624 triệu đồng

+ Điều chỉnh tăng: 51.600 triệu đồng

+ Phân bổ chi tiết cho 03 dự án: 17.413 triệu đồng.

+ Số còn lại chưa phân bổ: 11.354 triệu đồng

- Nguồn xổ số kiến thiết:

+ Vốn chưa phân bổ sau lần 5: 18.367 triệu đồng

+ Tăng nguồn vốn trung hạn 2021-2025: 86.595 triệu đồng.

+ Điều chỉnh giảm: 2.000 triệu đồng

+ Điều chỉnh tăng: 75.746 triệu đồng

+ Phân bổ chi tiết cho 01 dự án: 20.000 triệu đồng.

+ Số còn lại chưa phân bổ: 11.216 triệu đồng

- Nguồn thu tiền sử dụng đất:

+ Vốn chưa phân bổ sau lần 5: 13.984 triệu đồng

+ Điều chỉnh giảm dự án: 71.122 triệu đồng

+ Điều chỉnh tăng: 74.650 triệu đồng

+ Phân bổ chi tiết cho 01 dự án: 2.000 triệu đồng.

+ Số còn lại chưa phân bổ: 8.456 triệu đồng

(Chi tiết theo Phụ lục II đính kèm)

III. Nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung (lần 6): 1.920.370 triệu đồng.

1. Nguồn vốn đã bố trí sau điều chỉnh lần 6: 1.879.544 triệu đồng.

- Nguồn vốn ngân sách tập trung: 679.302 triệu đồng.
- Nguồn vốn xổ số kiến thiết: 551.780 triệu đồng.
- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 566.544 triệu đồng.
- Nguồn tài nguyên nước: 30.050 triệu đồng.
- Nguồn thưởng vượt thu năm 2021: 47.668 triệu đồng.
- Nguồn thu phí sử dụng hạ tầng: 4.200 triệu đồng.

2. Nguồn vốn còn lại chưa phân bổ sau lần 6: 40.826 triệu đồng.

- Nguồn vốn ngân sách tập trung: 11.354 triệu đồng.
- Nguồn vốn xổ số kiến thiết: 11.216 triệu đồng.
- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 8.456 triệu đồng.
- Nguồn thu phí sử dụng hạ tầng: 9.800 triệu đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Uỷ ban nhân dân huyện có trách nhiệm triển khai và báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức thành viên vận động tổ chức và Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị

quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Cửu khóa XII, kỳ họp lần thứ 21 thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2024./.

Nơi nhận:
- TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND, UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các Ban XD Đảng, Văn phòng Huyện ủy;
- UBMTTQVN và các đoàn thể huyện;
- Viện KSND, TAND huyện;
- Các phòng ban, cơ quan thuộc huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, TH HĐND.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU T. ĐỒNG NAI

Lê Đỗ Kim Chi

Phụ lục I

tổng hợp nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 6)

(Kèm theo Nghị quyết số 185/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Cửu)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch 2021-2025 (đợt 5)	Đã giao 2021-2024	*Trong đó:*				Còn lại năm 2025	Dự kiến năm 2025 (Theo số Sở Kế hoạch và ĐT thông báo)	Số giao thêm trung hạn để đảm bảo kế hoạch 2025	Kế hoạch năm 2021-2025 sau điều chỉnh (đợt 6)	Ghi chú
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024					
1	2	3	4=5+6+7+8	5	6	7	8	9=3-4	10	11	12=3+11	
	Tổng cộng	**1.788.927**	**1.385.115**	**245.062**	**441.686**	**369.301**	**348.370**	**429.162**	**220.512**	**131.443**	**1.920.370**	
1	Nguồn vốn ngân sách tập trung	645.808	526.082	114.999	92.169	159.457	159.457	119.726	164.574	44.848	690.656	
2	Nguồn vốn xổ số kiến thiết	271.747	257.750	57.173	78.467	61.055	61.055	13.997	55.938	41.941	313.688	
3	Ngân sách tỉnh hỗ trợ xã hội hóa (Bố trí tăng nguồn vốn) tỉnh đã giao thực tế		44.654	2.890	15.000	13.589	13.175			44.654	44.654	
4	Bổ sung có mục tiêu từ NST (XSKT)	185.350	115.000	10.000	75.000	20.000	10.000	70.350			185.350	
5	Bổ sung có mục tiêu nguồn thưởng vượt thu đã nộp trả	19.304					19.304				19.304	
6	Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất	575.000	363.911	60.000	81.000	115.200	107.711	211.089			575.000	
6.1	*Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất (tỉnh giao chỉ tiêu)*	*370.200*	*295.200*	*60.000*	*81.000*	*115.200*	*39.000*	*75.000*			*370.200*	
6.2	*Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất (kết dư)*	*204.800*	*68.711*				*68.711*	*136.089*			*204.800*	
7	Nguồn Tài nguyên nước	30.050	30.050		30.050			-			30.050	
8	Nguồn thưởng vượt thu	47.668	47.668		70.000		-22.332	-			47.668	
9	Nguồn thu phí sử dụng hạ tầng	14.000	-					14.000			14.000	

Phụ lục II

điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu (lần 6)

(Kèm theo Nghị quyết số 185/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Cửu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Tiến độ thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Tổng Nguồn vốn	Kế hoạch 2021-2025						Tổng điều chỉnh	Điều chỉnh Lần 6						Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh	Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh						Chủ đầu tư	Ghi chú
						NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỞNG VƯỢT THU	THU PHÍ SDHT		NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỞNG VƯỢT THU	THU PHÍ SDHT		NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỞNG VƯỢT THU	THU PHÍ SDHT		
1	2	3	4	5	6=sum(7:12)	7	8	9	10	11	12	13=sum(14:19)	14	15	16	17	18	19	20=sum(21:26)	21=7+14	22=8+15	23=9+16	24=10+17	25=11+18	26=12+19		
	DỰ KIẾN NGUỒN VỐN (2021-2025)				**1.788.927**	**645.808**	**476.401**	**575.000**	**30.050**	**47.668**	**14.000**	**131.443**	**44.848**	**86.595**					**1.920.370**	**690.656**	**562.996**	**575.000**	**30.050**	**47.668**	**14.000**		
	KẾ HOẠCH PHÂN BỔ NGUỒN VỐN				**1.686.677**	**636.913**	**458.034**	**561.016**	**30.050**	**47.668**	**14.000**	**129.863**	**42.389**	**93.746**	**5.528**	**0**	**0**	**-9.800**	**1.879.544**	**679.302**	**551.780**	**566.544**	**30.050**	**47.668**	**4.200**		
I	**Trả nợ nguồn vốn vay + vốn cấp phát sau quyết toán**			**22.072**	**14.072**	**14.072**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**14.072**	**14.072**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**		
1	Trả nợ vốn vay		2021	2.427	2.427	2.427													2.427	2.427	0	0	0	0	0		
2	Cấp phát sau quyết toán			19.645	11.645	11.645													11.645	11.645	0	0	0	0	0		
II	**Lĩnh vực giao thông**			**1.564.640**	**699.920**	**196.122**	**88.904**	**370.267**	**30.050**	**14.577**	**-**	**78.100**	**45.950**	**500**	**33.650**	**-**	**0**	**-**	**780.020**	**242.072**	**89.404**	**403.917**	**30.050**	**14.577**	**-**		
I.1	**Công trình chuyển tiếp**			**331.557**	**187.015**	**67.899**	**-**	**119.116**	**-**	**-**	**-**	**-6.180**	**-1.900**	**-**	**-4.280**	**-**	**-**	**-**	**180.835**	**65.999**	**-**	**114.836**	**-**	**-**	**-**		
1	Đường Vĩnh Tân - Tân An (giai đoạn 1)	Xã Vĩnh Tân - Tân An	2020-2023	16.800	8.731	8.731	0	0	0	0	0	-1.900	-1.900						6.831	6.831	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
2	Nâng cấp Hương lộ 9 Thành Đức - Tân Bình	Xã Tân Bình	2021-2024	169.989	99.197	23.698	0	75.499	0	0	0	-3.700			-3.700				95.497	23.698	0	71.799	0	0	0	Ban QLDA	
3	Nâng cấp Hương lộ 7 Tân Bình - Bình Lợi	Xã Tân Bình - Bình Lợi	2021-2024	143.268	77.587	34.970	0	42.617	0	0	0	0							77.587	34.970	0	42.617	0	0	0	Ban QLDA	
4	Nâng cấp Hương lộ 15	Xã Tân Bình - Bình Lợi	2019-2022	1.200	1.200	200	-	1.000	0	0	0	-580			-580				620	200	0	420	0	0	0	Ban QLDA	
5	Hỗ trợ UBND xã Thiện Tân bồi thường Xây dựng đường Ông Thanh nhánh 1	Thiện Tân	2019-2021	220	220	220	0	0	0	0	0	0							220	220	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
6	Hỗ trợ UBND xã Thiện Tân bồi thường Xây dựng đường Ông Thanh nhánh 2	Thiện Tân	2019-2021	80	80	80	0	0	0	0	0	0							80	80	0	0	0	0	0	UBND xã Thiện Tân	
II.2	**Dự án khởi công mới**			**1.233.083**	**512.905**	**128.223**	**88.904**	**251.151**	**30.050**	**14.577**	**-**	**84.280**	**47.850**	**500**	**37.930**	**-**	**0**	**-**	**599.185**	**176.073**	**89.404**	**289.081**	**30.050**	**14.577**	**-**	UBND xã Thiện Tân	
	Lĩnh vực giao thông (huyện quản lý)			**1.078.606**	**388.828**	**100.099**	**45.250**	**228.902**	**-**	**14.577**	**-**	**86.640**	**40.400**	**-**	**48.240**	**-**	**-**	**-**	**477.468**	**140.499**	**45.250**	**277.142**	**-**	**14.577**	**-**		
1	Xây dựng vỉa hè tuyến đường ĐT.768 nối dài giai đoạn 2 (đoạn còn lại)	TT Vĩnh An	2023-2025	52.525	10.000	600	**0**	9.400	0	0	0	0							10.000	600	0	9.400	0	0	0	Ban QLDA	
2	Xây dựng cầu tổ 6A khu phố 6 nối khu phố 5	TT Vĩnh An	2022-2024	5.532	5.189	5.189	0	0	0	0	0	0							5.189	5.189	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
3	Đường khu tái định cư ấp Bình Chánh	Xã Tân An	2022-2024	5.722	5.470	5.470	0	0	0	0	0	0							5.470	5.470	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
4	Xây dựng vỉa hè tuyến đường ĐT.768 nối dài giai đoạn 1 (đoạn từ TTGDNN-GDTX đến giáp đường ĐT 762)	TT Vĩnh An	2021-2024	14.500	13.544	13.544	0	0	0	0	0	0							13.544	13.544	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
5	Cầu và đường dẫn Bình Lục - Tân triều	Xã Tân Bình	2022-2024	37.847	28.000	28.000	0	0	0	0	0	-800	-800						27.200	27.200	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
6	Đường Kỷ Lân, xã Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2023-2026	140.101	99.000	11.000	30.000	58.000	-	-	-	6.000	19.000		-13.000				105.000	30.000	30.000	45.000	0	0	0	Ban QLDA	
7	Nâng cấp đường Chu Văn An, TT Vĩnh An	TT Vĩnh An	2022-2024	75.000	58.327	10.500	15.250	18.000	0	14.577	0	-5.000	-2.000		-3.000				53.327	8.500	15.250	15.000	0	14.577	0	Ban QLDA	
8	Xây dựng đường N3 (đường Ngô Quyền), giai đoạn 1 và đường số 10 trong khu Trung tâm Văn hóa - thông tin và thể thao huyện	TT Vĩnh An	2023-2025	17.076	15.000	-	-	15.000	0	0	0	0							15.000	0	0	15.000	0	0	0	Ban QLDA	
9	Nâng cấp đường Hương Lộ 6, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2026	411.882	20.000	-	-	20.000	0	0	0	10.000			10.000				30.000	0	0	30.000	0	0	0	Ban QLDA	
10	Đường Lý Thái tổ, đoạn từ ĐT.762 đến đường Võ Văn Tần	TT Vĩnh An	2023-2025	63.121	5.000	-	-	5.000	0	0	0	55.000			55.000				60.000	0	0	60.000	0	0	0	Ban QLDA	
11	Cải tạo cảnh quan trước cổng trường TH-THCS Mã Đà	Xã Mã Đà	2023-2025	1.317	1.317	1.317	-	0	0	0	0	0							1.317	1.317	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
12	Đường kết nối, dẫn vào Cầu Hiếu Liêm	Xã Trị An	2023-2026	94.688	50.000	20.000	-	30.000	0	0	0	24.200	24.200						74.200	44.200	0	30.000	0	0	0	Ban QLDA	
13	Đại tu, sửa chữa đường Long Chiến	Xã Bình Lợi	2023-2025	7.327	6.978	-	-	6.978	0	0	0	-440			-440				6.538	0	0	6.538	0	0	0	Ban QLDA	
14	Đại tu, sửa chữa Đường Bình Hòa- Cây Dương (Đoạn từ Km3+700 đến Km7+700)	Xã Bình Hòa	2023-2025	14.894	13.560	-	-	13.560	0	0	0	-1.200			-1.200				12.360	0	0	12.360	0	0	0	Ban QLDA	
15	Đại tu, sửa chữa đường Bình Chánh, ấp 4 (đoạn từ Km5+150 đến Km8+270)	Xã Phú Lý	2023-2025	13.115	12.490	-	-	12.490	0	0	0	0							12.490	0	0	12.490	0	0	0	Ban QLDA	
16	Đại tu, sửa chữa đường Quang Trung	TT Vĩnh An	2023-2025	14.407	13.747	-	-	13.747	0	0	0	0							13.747	0	0	13.747	0	0	0	Ban QLDA	
17	Trung tu, sửa chữa đường Đa Lộc, ấp 1, xã Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2023-2025	7.597	7.597	-	-	7.597	0	0	0	-300			-300				7.297	0	0	7.297	0	0	0	UBND xã Bình Lợi	
18	Đại tu, sửa chữa tuyến đường trục chính xã Hiếu Liêm (đoạn từ từ tiếp giáp Công ty thủy điện Trị An đến ngã ba giao đường Hiếu Liêm)	Xã Hiếu Liêm	2023-2025	8.537	8.000	-	-	8.000	0	0	0	0							8.000	0	0	8.000	0	0	0	Phòng KT-HT	
19	Đại tu, sửa chữa đường 322A, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2023-2025	5.182	5.000	-	-	5.000	0	0	0	0							5.000	0	0	5.000	0	0	0	Phòng KT-HT	
20	Đại tu, sửa chữa đường Xóm Rạch, xã Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2023-2025	6.436	6.130	-	-	6.130	0	0	0	-820			-820				5.310	0	0	5.310	0	0	0	Phòng KT-HT	
21	Sửa chữa, nâng cấp đường vào nhà bia thành lập chi bộ Bình Phước - Tân Triều, xã Tân Bình	Xã Tân Bình	2024-2026	4.479	4.479	4.479	-	0	0	0	0	0							4.479	4.479	0	0	0	0	0	UBND xã Tân Bình	
22	Đường Nguyễn Đình Chiểu, thị trấn Vĩnh An (đường D3 theo quy hoạch).	TT Vĩnh An	2024-2026	77.321											2.000				2.000	0	0	2.000	0	0	0	Ban QLDA	
	Đường xã, đầu tư XHH			**154.477**	**124.077**	**28.124**	**43.654**	**22.249**	**30.050**	**-**	**-**	**-2.360**	**7.450**	**500**	**-10.310**	**-**	**-**	**-**	**121.717**	**35.574**	**44.154**	**11.939**	**30.050**	**-**	**-**		
1	Đường Kênh N1 (Đoạn còn lại), xã Tân An	Xã Tân An	2021-2023	4.914	3.847	2.036	1.664	0	147	0	0	0							3.847	2.036	1.664	0	147	0	0	UBND xã Tân an	
2	Đường tổ 3, ấp 3, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2021-2023	1.694	847	595	252	0	0	0	0	0							847	595	252	0	0	0	0	UBND xã Phú Lý	
3	Đường tổ 10, ấp 4, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2023-2025	1.841	1.420	827	593	0	0	0	0	0							1.420	827	593	0	0	0	0	UBND xã Phú Lý	
4	Đường tổ 8-N2, ấp Bàu Phụng, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2023-2025	2.256	2.256	1.306	950	0	0	0	0	-250	-250						2.006	1.056	950	0	0	0	0	UBND xã Phú Lý	
5	Đường số N7, liên ấp 1&3 (GD 1), xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2023-2025	25.484	20.114	15.075	5.039	0	0	0	0	0							20.114	15.075	5.039	0	0	0	0	UBND xã Phú Lý	
6	Đường nhánh tổ 10, ấp 2, xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2023-2025	625	491	283	208	0	0	0	0	0							491	283	208	0	0	0	0	UBND xã Hiếu Liêm	
7	Đường nội đồng Giáo Tùng (giai đoạn 2), xã Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2023-2025	16.144	16.144	4.748	1.396	10.000	0	0	0	-1.800	7.700	500	-10.000				14.344	12.448	1.896	0	0	0	0	UBND xã Bình Lợi	
8	Đường hèm 12-14 ấp Bình Ý	Xã Tân Bình	2023-2025	1.185	929	529	400	0	0	0	0	0							929	529	400	0	0	0	0	UBND xã Tân Bình	
9	Đường hèm 21, đường sân banh ấp Bình Ý	Xã Tân Bình	2023-2025	913	716	409	307	0	0	0	0	0							716	409	307	0	0	0	0	UBND xãTân Bình	
10	Đường hèm 291, 169 ấp Bình Lục	Xã Tân Bình	2023-2025	1.176	921	524	397	0	0	0	0	0							921	524	397	0	0	0	0	UBND xã Tân Bình	
11	Đường số 8, ấp 1, xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2023-2025	2.387	1.868	1.058	810	0	0	0	0	0							1.868	1.058	810	0	0	0	0	UBND xã Mã Đà	
12	Đường số 9, ấp 1, xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2023-2025	913	715	407	308	0	0	0	0	0							715	407	308	0	0	0	0	UBND xã Mã Đà	
13	Đường số 11 giai đoạn 2 ấp 1, xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2023-2025	725	569	327	242	0	0	0	0	0							569	327	242	0	0	0	0	UBND xãMã Đà	

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Tiến độ thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Tổng Nguồn vốn	Kế hoạch 2021-2025						Tổng điều chỉnh	Điều chỉnh Lần 6						Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh	Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh						Chủ đầu tư	Ghi chú
						NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỞNG VƯỢT THU	THU PHÍ SDHT		NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỞNG VƯỢT THU	THU PHÍ SDHT		NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỞNG VƯỢT THU	THU PHÍ SDHT		
14	Đường tổ 05, ấp 1 xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2020-2022	761	245	0	245	0	0	0	0	0							245	0	245	0	0	0	0	UBND xã Vĩnh Tân	
15	Đường liên ấp 3-6 nhánh 2, ấp 3, xã Vĩnh Tân (giai đoạn 2)	Xã Vĩnh Tân	2020-2022	1.723	1.339	0	512	827	0	0	0	0							1.339	0	512	827	0	0	0	UBND xã Vĩnh Tân	
16	Đường liên ấp 2-5 nhánh 1, xã Vĩnh Tân (giai đoạn 2)	Xã Vĩnh Tân	2020-2022	1.923	1.411	0	614	797	0	0	0	0							1.411	0	614	797	0	0	0	UBND xã Vĩnh Tân	
17	Đường tổ 2-4 ấp 5, xã Vĩnh Tân (Đường liên ấp 2-5 nhánh 2, xã Vĩnh Tân)(giai đoạn 2)	Xã Vĩnh Tân	2020-2022	1.476	1.209	0	519	690	0	0	0	-310			-310				899	0	519	380	0	0	0	UBND xã Vĩnh Tân	
18	Đường Cây Cầy đi Long Thành (giai đoạn 3), xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2022-2024	251	198	0	80	0	118	0	0	0							198	0	80	0	118	0	0	UBND xã Phú Lý	
19	Đường tổ 5 ấp Cây Cầy, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2022-2024	920	722	0	310	0	412	0	0	0							722	0	310	0	412	0	0	UBND xã Phú Lý	
20	Đường tổ 9, ấp Cây Cầy, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2022-2024	909	709	0	303	0	406	0	0	0							709	0	303	0	406	0	0	UBND xã Phú Lý	
21	Đường tổ 10, ấp Cây Cầy, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2022-2024	717	563	0	241	0	322	0	0	0							563	0	241	0	322	0	0	UBND xã Phú Lý	
22	Đường Bàu Điền, ấp 4, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2022-2024	12.580	9.000	0	4.000	0	5.000	0	0	0							9.000	0	4.000	0	5.000	0	0	UBND xã Phú Lý	
23	Đường Tổ 3, ấp 1, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2022-2024	813	670	0	282	0	388	0	0	0							670	0	282	0	388	0	0	UBND xã Phú Lý	
24	Đường Tổ 7, ấp 4, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2022-2024	1.269	1.026	0	436	0	590	0	0	0							1.026	0	436	0	590	0	0	UBND xã Phú Lý	
25	Đường tổ 56, ấp Bàu Phụng xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2022-2024	1.032	859	0	347	0	512	0	0	0							859	0	347	0	512	0	0	UBND xã Phú Lý	
26	Đường tổ 2, ấp 5, xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2022-2024	1.774	1.409	0	558	0	851	0	0	0							1.409	0	558	0	851	0	0	UBND xã Vĩnh Tân	
27	Đường tổ 11, ấp 4, xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2022-2024	1.968	1.568	0	611	0	957	0	0	0							1.568	0	611	0	957	0	0	UBND xã Vĩnh Tân	
28	Đường tổ 11, ấp 6, xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2022-2024	1.834	1.461	0	570	0	891	0	0	0							1.461	0	570	0	891	0	0	UBND xã Vĩnh Tân	
29	Đường tổ 9, ấp 2, xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2022-2024	458	360	0	152	0	208	0	0	0							360	0	152	0	208	0	0	UBND xã Hiếu Liêm	
30	Đường nhánh tổ 16, ấp 3, nhánh 1, xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2022-2024	520	408	0	172	0	236	0	0	0							408	0	172	0	236	0	0	UBND xã Hiếu Liêm	
31	Đường nhánh tổ 16, ấp 3, nhánh 3, xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2022-2024	675	532	0	223	0	309	0	0	0							532	0	223	0	309	0	0	UBND xã Hiếu Liêm	
32	Đường Tổ 15, ấp 1 xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2022-2024	798	624	0	273	0	351	0	0	0							624	0	273	0	351	0	0	UBND xã Mã Đà	
33	Đường Hẻm tổ 6-8 và Hẻm chợ cũ ấp 1, xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2022-2024	917	717	0	312	0	405	0	0	0							717	0	312	0	405	0	0	UBND xã Mã Đà	
34	Nâng cấp, sửa chữa Đường Đã Bàn xã Trị An	Xã Trị An	2022-2024	3.106	2.432	0	1.056	0	1.376	0	0	0							2.432	0	1.056	0	1.376	0	0	UBND xã Trị An	
35	Nâng cấp Sửa chữa đường xóm Huế (đoạn 1) xã Trị An	Xã Trị An	2022-2024	2.638	2.164	0	923	0	1.241	0	0	0							2.164	0	923	0	1.241	0	0	UBND xã Trị An	
36	Đường Xóm Dừa, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2022-2024	1.020	802	0	338	0	464	0	0	0							802	0	338	0	464	0	0	UBND xã Thạnh Phú	
37	Hẻm Tổ 12, 14, ấp 2 xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2022-2024	455	359	0	149	0	210	0	0	0							359	0	149	0	210	0	0	UBND xã Thạnh Phú	
38	Hẻm 668, 520, đường ĐT 768, ấp 4 xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2022-2024	253	201	0	77	0	124	0	0	0							201	0	77	0	124	0	0	UBND xã Thạnh Phú	
39	Hẻm 33, đường Cây Dầu, ấp 4, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2022-2024	807	633	0	270	0	363	0	0	0							633	0	270	0	363	0	0	UBND xã Thạnh Phú	
40	Hẻm Tổ 4, ấp 3, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2022-2024	181	145	0	54	0	91	0	0	0							145	0	54	0	91	0	0	UBND xã Thạnh Phú	
41	Hẻm tổ 7, ấp 5, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2022-2024	540	425	0	177	0	248	0	0	0							425	0	177	0	248	0	0	UBND xã Thạnh Phú	
42	Nâng cấp đường vào xóm Miễu Bà – Vũng Vọng, ấp 1, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2022-2024	1.034	809	0	350	0	459	0	0	0							809	0	350	0	459	0	0	UBND xã Thạnh Phú	
43	Đường nhánh 1-2-3, tổ 3-10-13, KP 3, TT Vĩnh An	TT Vĩnh An	2022-2024	978	782	0	297	0	485	0	0	0							782	0	297	0	485	0	0	UBND TT Vĩnh An	
44	Đường số 10, tổ 12-13 khu phố 1, thị trấn Vĩnh An	TT Vĩnh An	2022-2024	904	719	0	283	0	436	0	0	0							719	0	283	0	436	0	0	UBND TT Vĩnh An	
45	Đường hẻm Đinh Thần, tổ 9, khu phố 4, thị trấn Vĩnh An	TT Vĩnh An	2022-2024	1.156	911	0	380	0	531	0	0	0							911	0	380	0	531	0	0	UBND TT Vĩnh An	
46	Đường liên hẻm khu phố 2, thị trấn Vĩnh An	TT Vĩnh An	2022-2024	1.999	1.574	0	657	0	917	0	0	0							1.574	0	657	0	917	0	0	UBND TT Vĩnh An	
47	Đường Hẻm 3 vào lò Gạch xã Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2022-2024	1.101	863	0	371	0	492	0	0	0							863	0	371	0	492	0	0	UBND xã Thiện Tân	
48	Đường Hẻm 87 xã Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2022-2024	798	627	0	266	0	361	0	0	0							627	0	266	0	361	0	0	UBND xã Thiện Tân	
49	Đường Hẻm 67 xã Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2022-2024	1.139	893	0	382	0	511	0	0	0							893	0	382	0	511	0	0	UBND xã Thiện Tân	
50	Đường Hẻm 1551 xã Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2022-2024	310	245	0	100	0	145	0	0	0							245	0	100	0	145	0	0	UBND xã Thiện Tân	
51	Đường tổ 9E, đấu nối với đường số 7, ấp 1, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2025	3.704	2.911	0	1.234	1.677	0	0	0	0							2.911	0	1.234	1.677	0	0	0	UBND xã Thạnh Phú	
52	Đường liên tổ 5-6, ấp 5, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2025	653	518	0	206	312	0	0	0	0							518	0	206	312	0	0	0	UBND xã Thạnh Phú	
53	Đường hẻm tổ 5.4, ấp 5, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2025	639	504	0	207	297	0	0	0	0							504	0	207	297	0	0	0	UBND xã Thạnh Phú	
54	Đường hẻm tổ 4, ấp 5, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2025	786	621	0	255	366	0	0	0	0							621	0	255	366	0	0	0	UBND xã Thạnh Phú	
55	Đường hẻm 83, liên ấp 7-6, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2025	992	783	0	323	460	0	0	0	0							783	0	323	460	0	0	0	UBND xã Thạnh Phú	
56	Đường tổ 6, ấp 4 (giai đoạn 1), xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2023-2025	1.994	2.454	0	1.020	1.434	0	0	0	0							2.454	0	1.020	1.434	0	0	0	UBND xã Phú Lý	
57	Đường tổ 11, ấp 4, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2023-2025	860	715	0	288	427	0	0	0	0							715	0	288	427	0	0	0	UBND xã Phú Lý	
58	Hẻm tổ 5, ấp 5, xã Thạnh Phú	xã Thạnh Phú	2021-2023	313	247	0	100	0	147	0	0	0							247	0	100	0	147	0	0	UBND xã Thạnh Phú	
59	Hẻm 81, 82, 83, ấp Tân Triều.	xã Tân Bình	2021-2023	788	619	0	261	0	358	0	0	0							619	0	261	0	358	0	0	UBND xã Tân Bình	
60	Hẻm 157, 162 ấp Vĩnh Hiệp	xã Tân Bình	2021-2023	1.048	820	0	352	0	468	0	0	0							820	0	352	0	468	0	0	UBND xã Tân Bình	
61	Đường hẻm 230, 176, ấp Vĩnh Hiệp	xã Tân Bình	2021-2023	707	557	0	232	0	325	0	0	0							557	0	232	0	325	0	0	UBND xã Tân Bình	

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Tiến độ thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Tổng Nguồn vốn	Kế hoạch 2021-2025						Tổng điều chỉnh	Điều chỉnh Lần 6						Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh	Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh						Chủ đầu tư	Ghi chú
						NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỞNG VƯỢT THU	THU PHÍ SDHT		NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỞNG VƯỢT THU	THU PHÍ SDHT		NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỞNG VƯỢT THU	THU PHÍ SDHT		
62	Nâng cấp đường hẻm số 3, ấp Vĩnh Hiệp (nâng cấp)	xã Tân Bình	2021-2023	654	513	0	218	0	295	0	0	0							513	0	218	0	295	0	0	UBND xã Tân Bình	
63	Đường Hồ Bông, tổ 8 ấp Cây Xoài xã Tân An	Xã Tân An	2021-2023	2.874	2.313	0	1.004	0	1.309	0	0	0							2.313	0	1.004	0	1.309	0	0	UBND xã Tân An	
64	Đường nhánh tổ 7 ấp 6, xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2021-2023	952	750	0	314	0	436	0	0	0							750	0	314	0	436	0	0	UBND xã Vĩnh Tân	
65	Đường tổ 5, ấp 4 xã Vĩnh Tân (Đường tổ 4 ấp 2 nhánh 1(giai đoạn 2 xã Vĩnh Tân)	Xã Vĩnh Tân	2021-2023	4.038	3.098	0	1.368	0	1.730	0	0	0							3.098	0	1.368	0	1.730	0	0	UBND xã Vĩnh Tân	
66	Đường nhánh tổ 19 ấp 6 nhánh 1, xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2021-2022	789	622	0	258	0	364	0	0	0							622	0	258	0	364	0	0	UBND xã Vĩnh Tân	
67	Đường tổ 10 ấp 1, xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2021-2023	1.334	1.046	0	448	0	598	0	0	0							1.046	0	448	0	598	0	0	UBND xã Vĩnh Tân	
68	Đường nhánh tổ 16 ấp 3 (nhánh 2), xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2021-2023	861	675	0	290	0	385	0	0	0							675	0	290	0	385	0	0	UBND xã Hiếu Liêm	
69	Đường nhánh tổ 14 ấp 3, xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2021-2023	795	624	0	267	0	357	0	0	0							624	0	267	0	357	0	0	UBND xã Hiếu Liêm	
70	Đường nhánh tổ 11 ấp 2, xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2021-2023	242	191	0	76	0	115	0	0	0							191	0	76	0	115	0	0	UBND xã Hiếu Liêm	
71	Nâng cấp, sửa chữa đường Bến Đe nối dài đường Mía đường	Xã Trị An	2021-2023	3.713	3.050	0	1.290	0	1.760	0	0	0							3.050	0	1.290	0	1.760	0	0	UBND xã Trị An	
72	Đường Lò Than, xã Trị An	Xã Trị An	2021-2023	1.952	1.480	0	634	0	846	0	0	0							1.480	0	634	0	846	0	0	UBND xã Trị An	
73	Nâng cấp, Cải tạo Hẻm số 03 vào Đình Thần Bình Thạnh, ấp 3, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2025	1.798	1.082	0	442	640	-	0	0	0							1.082	0	442	640	0	0	0	UBND xã Thạnh Phú	
74	Đường xóm tổ 9F1 đấu nối với đường số 7, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2025	1.781	1.184	0	499	685	-	0	0	0							1.184	0	499	685	0	0	0	UBND xã Thạnh Phú	
75	Nâng cấp, Cải tạo Đường Tân Huệ ấp 7, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2025	4.128	3.340	0	1.422	1.918	-	0	0	0							3.340	0	1.422	1.918	0	0	0	UBND xã Thạnh Phú	
76	Sửa chữa các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2023-2025	4.088	2.909	0	1.190	1.719	-	0	0	0							2.909	0	1.190	1.719	0	0	0	UBND xã Bình Lợi	
III	**Chi cho lĩnh vực quy hoạch và quản lý quy hoạch**			**8.920**	**8.601**	**8.785**	**-**	**450**	**-**	**-**	**-**	**110**	**110**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**9.345**	**8.895**	**-**	**450**	**-**	**-**	**-**		
III.1	**Công trình chuyển tiếp**			**2.999**	**2.730**	**2.730**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-1.373**	**-1.373**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1.357**	**1.357**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**		
1	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Bình Hòa	UBND Bình Hòa	2020-2022	350	271	271	0	0	0	0	0	-233	-233						38	38	0	0	0	0	0	UBND xã Bình Hoà	
2	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Tân Bình	UBND Tân Bình	2020-2022	350	316	316	0	0	0	0	0	-240	-240						76	76	0	0	0	0	0	UBND xã Tân Bình	
3	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Thiện Tân	UBND Thiện Tân	2020-2022	350	323	323	0	0	0	0	0	-130	-130						193	193	0	0	0	0	0	UBND xã Thiện Tân	
4	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Trị An	UBND Trị An	2020-2022	350	255	255	0	0	0	0	0	-130	-130						125	125	0	0	0	0	0	UBND xã Trị An	
5	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Tân	UBND Vĩnh Tân	2020-2022	383	383	383	0	0	0	0	0	-190	-190						193	193	0	0	0	0	0	UBND xã Vĩnh Tân	
6	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Tân An	UBND Tân An	2020-2022	350	316	316	0	0	0	0	0	-310	-310						6	6	0	0	0	0	0	UBND xã Tân An	
7	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Phú Lý	UBND Phú Lý	2020-2022	447	447	447	0	0	0	0	0	0							447	447	0	0	0	0	0	UBND xã Phú Lý	
8	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Mã Đà	UBND Mã Đà	2020-2022	419	419	419	0	0	0	0	0	-140	-140						279	279	0	0	0	0	0	UBDN xã Mã Đà	
III.2	**Dự án khởi công mới**			**5.921**	**5.871**	**6.055**	**-**	**450**	**-**	**-**	**-**	**1.483**	**1.483**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**7.988**	**7.538**	**-**	**450**	**-**	**-**	**-**		
1	Cắm mốc hành lang bảo vệ Suối Sâu	TT Vĩnh An - xã Vĩnh Tân	2021-2022	527	477	27	-	450	-	-	-	0							477	27	0	450	0	0	0	Phòng KT-HT	
2	Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 thị trấn Vĩnh An	Thị trấn Vĩnh An	2022-2024	3.890	3.890	3.890	-	-	-	-	-	0							3.890	3.890	0	0	0	0	0	Phòng KT-HT	
3	Lập đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu TDC tại xã Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2021-2024	496	496	496	-	-	-	-	-	0							496	496	0	0	0	0	0	Phòng KT-HT	
4	Cắm mốc giới theo quy hoạch chung xây dựng xã Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2023-2025	610	610	610	-	-	-	-	-	0							610	610	0	0	0	0	0	UBND xã Thiện Tân	
5	Cắm mốc giới theo quy hoạch chung xây dựng xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2023-2025	398	398	398	-	-	-	-	-	0							398	398	0	0	0	0	0	UBND xã Mã Đà	
6	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nghĩa trang nhân dân xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2024-2026			634	-	-	-	-	-	0							634	634	0	0	0	0	0	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	
7	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu tái định cư xã Tân Bình	Xã Tân Bình	2024-2026									883	883						883	883	0	0	0	0	0	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	
8	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu nhà ở xã hội tại ấp 5, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2024-2026									600	600						600	600	0	0	0	0	0	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	
IV	**Chi lĩnh vực hoạt động QLNN, Đảng, đoàn thể**			**151.521**	**114.852**	**115.140**	**-**	**1.950**	**-**	**-**	**-**	**6.452**	**6.452**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**123.542**	**121.592**	**-**	**1.950**	**-**	**-**	**-**		
IV.1	**Công trình chuyển tiếp**			**26.727**	**14.525**	**14.525**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**14.525**	**14.525**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**		
1	Xây dựng mới một số phòng chức năng thuộc UBND huyện (Phòng làm việc của Ban QLDA + TT PTQĐ vv...)	TT Vĩnh An	2020-2022	14.982	5.960	5.960	0	0	0	0	0	0							5.960	5.960	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
2	Bồi thường bổ sung do thu hồi đất dự án xây dựng UBND xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2021-2023	1.823	1.823	1.823	0	0	0	0	0	0							1.823	1.823	0	0	0	0	0	UBND xã Thạnh Phú	
3	Bồi thường bổ sung dự án xây dựng trụ sở UBND xã Thạnh Phú cho ông Nguyễn Tấn Đực (theo KL của tòa án tối cao)	Xã Thạnh Phú	2021-2023	3.022	3.022	3.022	0	0	0	0	0	0							3.022	3.022	0	0	0	0	0	UBND xã Thạnh Phú	
4	Xây dựng mới phòng Tài chính - Kế hoạch	TT Vĩnh An	2020-2022	6.900	3.720	3.720	0	0	0	0	0	0							3.720	3.720	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
IV.2	**Dự án khởi công mới**			**124.794**	**100.327**	**100.615**	**-**	**1.950**	**-**	**-**	**-**	**6.452**	**6.452**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**109.017**	**107.067**	**-**	**1.950**	**-**	**-**	**-**		
1	Xây dựng Nhà một cửa và tiếp công dân xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2022-2024	2.262	2.262	2.262	0	0	0	0	0	-140	-140						2.122	2.122	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
2	Xây dựng Nhà một cửa và tiếp công dân xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2022-2024	2.067	2.067	2.067	0	0	0	0	0	0							2.067	2.067	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
3	Xây dựng hội trường UBND xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2021-2023	2.100	2.005	2.005	0	0	0	0	0	0							2.005	2.005	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
4	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa nhà quân sự UBND TT VA	TT Vĩnh An	2021-2023	3.000	2.967	2.967	0	0	0	0	0	0							2.967	2.967	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
5	Sửa chữa một số hạng mục trụ sở phòng Tư pháp	TT Vĩnh An	2021-2022	1.286	1.286	1.286	0	0	0	0	0	0							1.286	1.286	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
6	Sửa chữa hội trường UBND xã Thiện Tân	xã Thiện Tân	2022-2024	2.800	2.800	2.800	0	0	0	0	0	0							2.800	2.800	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
7	Nâng cấp, sửa chữa nhà ăn Huyện Ủy	Huyện Vĩnh Cửu	2022-2024	2.621	2.280	2.280	0	0	0	0	0	0							2.280	2.280	0	0	0	0	0	VP Huyện Ủy	

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Tiến độ thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Tổng Nguồn vốn	Kế hoạch 2021-2025						Tổng điều chỉnh	Điều chỉnh Lần 6						Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh	Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh						Chủ đầu tư	Ghi chú
						NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỞNG VƯỢT THU	THU PHÍ SDHT		NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỞNG VƯỢT THU	THU PHÍ SDHT		NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỞNG VƯỢT THU	THU PHÍ SDHT		
8	Cải tạo cảnh quan và nâng cấp, sửa chữa Trụ sở UBND huyện Vĩnh Cửu	TT Vĩnh An	2023-2025	14.999	14.999	14.999	0	0	0	0	0	-1.200	-1.200						13.799	13.799	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
9	Cải tạo, sửa chữa và xây mới nhà kho trong trụ sở UBMTTQ và đoàn thể huyện Vĩnh Cửu	TT Vĩnh An	2023-2025	5.668	5.000	5.000	0	0	0	0	0	0							5.000	5.000	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
10	Xây dựng hội trường và nâng cấp sửa chữa một số hạng mục UBND xã Tân Bình	xã Tân Bình	2023-2025	4.990	4.990	4.990	0	0	0	0	0	0							4.990	4.990	0	0	0	0	0	UBND xã Tân Bình	
11	Xây dựng phòng làm việc bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND xã Tân An	Xã Tân An	2021-2022	2.500	1.950	-	-	1.950	-	-	-	0							1.950	0	0	1.950	0	0	0	UBND xã Tân An	
12	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục trụ sở UBND xã Bình Hòa	Xã Bình Hòa	2023-2025	1.905	1.905	1.905	-	-	-	-	-	0							1.905	1.905	0	0	0	0	0	UBND xã Bình Hòa	
13	Sửa chữa hàng rào và nâng cấp sân trụ sở UBND xã Trị An	Xã Trị An	2023-2025	4.923	4.923	4.923	-	-	-	-	-	0							4.923	4.923	0	0	0	0	0	UBND xã Trị An	
14	Xây dựng kho lưu trữ Huyện ủy	TT Vĩnh An	2023-2025	2.283	1.283	1.283	-	-	-	-	-	0							1.283	1.283	0	0	0	0	0	VP Huyện ủy	
15	Cải tạo, sửa chữa và đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị trung tâm GDTX-GDNN (cơ sở chính)	TT Vĩnh An	2023-2025	4.952	4.952	4.952	-	-	-	-	-	0							4.952	4.952	0	0	0	0	0	Trung tâm GDNN-GDTX	
16	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở phòng Tài nguyên và Môi trường	TT Vĩnh An	2023-2025	14.317	13.500	13.500	-	-	-	-	-	0							13.500	13.500	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
17	Sửa chữa trụ sở UBND xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2023-2025	4.911	4.911	4.911	-	-	-	-	-	0							4.911	4.911	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
18	Xây dựng Trụ sở và nâng cấp các khối nhà làm việc trong UBND xã Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2023-2025	14.991	14.991	14.991	-	-	-	-	-	0							14.991	14.991	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
19	Trang bị màn hình Led hội trường và đèn Led khẩu hiệu tại cổng trụ sở Huyện ủy	TT Vĩnh An	2023-2025	1.274	1.274	1.274	-	-	-	-	-	-1.174	-1.174						100	100	0	0	0	0	0	VP Huyện ủy	
20	Cải tạo, sửa chữa Huyện ủy Vĩnh Cửu	TT Vĩnh An	2024-2026	6.434	6.434	6.434	-	-	-	-	-	-6.234	-6.234						200	200	0	0	0	0	0	VP Huyện ủy	
21	Xây dựng mới phòng họp và nhà bảo vệ UBND xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2024-2026	2.370	2.345	2.345	-	-	-	-	-	0							2.345	2.345	0	0	0	0	0	UBND xã Phú Lý	
22	Cải tạo, sửa chữa nhà một cửa và tiếp công dân xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2024-2026	1.203	1.203	1.203	-	-	-	-	-	0							1.203	1.203	0	0	0	0	0	UBND xã Vĩnh Tân	
23	Cải tạo nhà làm việc trụ sở UBND xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2024-2026	2.486		2.238	-	-	-	-	-	0							2.238	2.238	0	0	0	0	0	UBND xã Thạnh Phú	
24	Sửa chữa một số hạng mục trụ sở UBND xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2024-2026	3.500								3.200	3.200						3.200	3.200	0	0	0	0	0	UBND xã Vĩnh Tân	
25	Sửa chữa một số hạng mục trong UBND và Trung tâm văn hóa xã Trị An	Xã Trị An	2024-2026	14.952								12.000	12.000						12.000	12.000	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
V	**Lĩnh vực cấp thoát nước, nước sạch**			**91.771**	**71.712**	**46.587**	**959**	**29.814**	-	-	-	**(2.550)**	**(3.800)**	-	**1.250**	-	-	-	**74.810**	**42.787**	**959**	**31.064**	-	-	-		
	Dự án khởi công mới											0							0	0	0	0	0	0	0		
1	Trạm bơm và đường ống cấp nước thô dẫn nhà máy nước sạch xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2021-2022	14.000	14.869	14.869	-	-	-	-	-	700	700						15.569	15.569	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
2	Mở rộng hệ thống cấp nước sạch khu vực ấp 1, 2 xã Trị An	Xã Trị An	2021-2023	5.000	3.959	3.000	959	-	-	-	-	0							3.959	3.000	959	0	0	0	0	Phòng KT-HT	
3	Mở rộng hệ thống cấp nước sạch xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2023-2025	20.089	18.000	4.500	-	13.500	-	-	-	-3.250	-4.500		1.250				14.750	0	0	14.750	0	0	0	Ban QLDA	
4	Mở rộng hệ thống cấp nước sạch dọc tuyến đường Long Chiến	Xã Bình Lợi	2023-2025	3.171	2.771	1.510	-	1.261	-	-	-	0							2.771	1.510	0	1.261	0	0	0	Phòng KT-HT	
5	Mở rộng hệ thống cấp nước sạch dọc tuyến đường Xóm Rạch	Xã Bình Lợi	2023-2025	3.121	2.821	1.590	-	1.231	-	-	-	0							2.821	1.590	0	1.231	0	0	0	Phòng KT-HT	
6	Đầu tư các tuyến ống cấp nước trên địa bàn xã Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2023-2025	8.200	6.560	3.941	-	2.619	-	-	-	0							6.560	3.941	0	2.619	0	0	0	UBND xã Bình Lợi	
7	Đầu tư các tuyến ống cấp nước trên địa bàn xã Tân Bình	Xã Tân Bình	2023-2025	3.512	2.810	2.810	-	-	-	-	-	0							2.810	2.810	0	0	0	0	0	UBND xã Tân Bình	
8	Đầu tư các tuyến ống cấp nước trên địa bàn xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2023-2025	12.069	7.655	2.947	-	4.708	-	-	-	0							7.655	2.947	0	4.708	0	0	0	UBND xã Vĩnh Tân	
9	Đầu tư các tuyến ống cấp nước trên địa bàn xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2025	11.680	8.544	4.078	-	4.466	-	-	-	0							8.544	4.078	0	4.466	0	0	0	UBND xã Thạnh Phú	
10	Đầu tư các tuyến ống cấp nước trên địa bàn xã Tân An	Xã Tân An	2023-2025	2.201	1.761	885	-	876	-	-	-	0							1.761	885	0	876	0	0	0	UBND xã Tân An	
11	Đầu tư các tuyến ống cấp nước trên địa bàn xã Bình Hòa	Xã Bình Hòa	2023-2025	2.453	1.962	809	-	1.153	-	-	-	0							1.962	809	0	1.153	0	0	0	UBND xã Bình Hòa	
12	Đầu tư các tuyến ống cấp nước trên địa bàn xã Bình Lợi (giai đoạn 2)	Xã Bình Lợi	2024-2026	6.275		5.648	-	-	-	-	-	0							5.648	5.648	0	0	0	0	0	UBND xã Bình Lợi	
VI	**Lĩnh vực dịch vụ công ích (KTTC)**			**61.687**	**41.772**	**50.995**	-	**7.000**	-	-	-	-2.660	-2.490	-	**(170)**	-	-	-	**55.335**	**48.505**	-	**6.830**	-	-	-		
	Dự án khởi công mới											0							0	0	0	0	0	0	0		
1	Hệ thống chiếu sáng trên địa bàn huyện (giai đoạn 1)	Huyện Vĩnh Cửu	2021-2022	6.000	5.396	5.396	-	-	-	-	-	0							5.396	5.396	0	0	0	0	0	Phòng KT-HT	
2	Trồng cây xanh tuyến đường Hương lộ 7	Huyện Vĩnh Cửu	2022-2024	3.917	3.854	3.854	-	-	-	-	-	-1.250	-1.250						2.604	2.604	0	0	0	0	0	Phòng KT-HT	
3	Trồng cây xanh tuyến đường Hương lộ 9	Huyện Vĩnh Cửu	2022-2024	4.881	4.809	4.809	-	-	-	-	-	-1.240	-1.240						3.569	3.569	0	0	0	0	0	Phòng KT-HT	
4	Hệ thống chiếu sáng đường trục 16, giai đoạn 2	xã Thạnh Phú	2023-2025	1.252	1.193	1.193	-	-	-	-	-	0							1.193	1.193	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
5	Hệ thống chiếu sáng đường Cộ Cây Xoài (đoạn còn lại)	Xã Tân An	2023-2025	2.674	2.600	-	-	2.600	-	-	-	-170			-170				2.430	0	0	2.430	0	0	0	Ban QLDA	
6	Hệ thống chiếu sáng đường Bình Chánh (đoạn còn lại)	Xã Phú Lý	2023-2025	4.533	4.400	-	-	4.400	-	-	-	0							4.400	0	0	4.400	0	0	0	Phòng KT-HT	
7	Hệ thống chiếu sáng đường ranh xã Thạnh Phú - Thiện Tân	Xã Thạnh Phú - Thiện Tân	2023-2025	1.850	1.850	1.850	-	-	-	-	-	0							1.850	1.850	0	0	0	0	0	Phòng KT-HT	
8	Hệ thống chiếu sáng đường Vĩnh Tân - Trị An (giai đoạn 1)	Xã Vĩnh Tân - Tân An	2023-2025	2.050	2.250	2.250	-	-	-	-	-	0							2.250	2.250	0	0	0	0	0	Phòng KT-HT	
9	Hệ thống chiếu sáng đường ĐT.768 các đoạn còn lại (từ Km25+700 đến Km29+100 và Km34+900 đến Km40+300)	Địa bàn huyện	2023-2025	9.080	8.700	8.700	-	-	-	-	-	0							8.700	8.700	0	0	0	0	0	Phòng KT-HT	
10	Hệ thống chiếu sáng đường vào Khu tái định cư ấp Thới Sơn	Xã Bình Hòa	2023-2025	750	750	750	-	-	-	-	-	0							750	750	0	0	0	0	0	Phòng KT-HT	
11	Hệ thống chiếu sáng đường Long Chiến	Xã Bình Lợi	2024-2026	2.690	2.190	2.190	-	-	-	-	-	0							2.190	2.190	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
12	Hệ thống chiếu sáng đường Ranh thị trấn Vĩnh An (giai đoạn 1)	TT Vĩnh An	2024-2026	2.180	1.980	1.980	-	-	-	-	-	0							1.980	1.980	0	0	0	0	0	Phòng KT-HT	
13	Hệ thống chiếu sáng đường Sô Quýt	xã Thiện Tân	2024-2026	1.800	1.800	1.800	-	-	-	-	-	0							1.800	1.800	0	0	0	0	0	Phòng KT-HT	
14	Cải tạo, sửa chữa và thay thế Hệ thống chiếu sáng, hệ thống đèn trang trí đường Nguyễn Tất Thành, thị trấn Vĩnh An	TT Vĩnh An	2024-2026	3.550		3.195	-	-	-	-	-	0							3.195	3.195	0	0	0	0	0	Phòng KT-HT	

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Tiến độ thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Tổng Nguồn vốn	Kế hoạch 2021-2025						Tổng điều chỉnh	Điều chỉnh Lần 6						Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh	Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh						Chủ đầu tư	Ghi chú
						NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỞNG VƯỢT THU	THU PHÍ SDHT		NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỞNG VƯỢT THU	THU PHÍ SDHT		NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỞNG VƯỢT THU	THU PHÍ SDHT		
15	Cải tạo, sửa chữa và thay thế Hệ thống chiếu sáng trên địa bàn huyện (một số trạm còn sử dụng bóng đèn Sodium).	Địa bàn huyện	2024-2026	10.960		9.860	-	-	-	-	-	0							9.860	9.860	0	0	0	0	0	Phòng KT-HT	
16	Cải tạo, sửa chữa và thay thế Hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn huyện	Địa bàn huyện	2024-2026	3.520		3.168	-	-	-	-	-	0							3.168	3.168	0	0	0	0	0	Phòng KT-HT	
VII	**Chỉ lĩnh vực điện**			**16.108**	**11.342**	**662**	**0**	**10.680**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**11.342**	**662**	**0**	**10.680**	**0**	**0**	**0**		
	Dự án khởi công mới											0							0	0	0	0	0	0	0		
1	Hỗ trợ xây dựng mới đường dây hạ thế sau TBA ấp 2 - ấp Bàu Phung xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2021-2022	962	763	-	-	763	-	-	-	0							763	0	0	763	0	0	0	UBND xã Phú Lý	
2	Đường dây hạ thế sau các TBA ấp 3-4 xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2021-2022	10.250	7.766	-	-	7.766	-	-	-	0							7.766	0	0	7.766	0	0	0	UBND xã Mã Đà	
3	Xây mới đường dây hạ thế tuyến đường tổ 8 ấp 4	Xã Vĩnh Tân	2021-2022	301	160	-	-	160	-	-	-	0							160	0	0	160	0	0	0	UBND xã Vĩnh Tân	
4	Xây mới đường dây hạ thế tuyến đường tổ 8 ấp 1	Xã Vĩnh Tân	2021-2022	292	161	-	-	161	-	-	-	0							161	0	0	161	0	0	0	UBND xã Vĩnh Tân	
5	Xây mới đường dây hạ thế tuyến đường tổ 8 ấp 5	Xã Vĩnh Tân	2021-2022	459	242	-	-	242	-	-	-	0							242	0	0	242	0	0	0	UBND xã Vĩnh Tân	
6	Xây mới đường dây hạ thế tuyến đường tổ 6-7, ấp 5	Xã Vĩnh Tân	2021-2022	438	244	-	-	244	-	-	-	0							244	0	0	244	0	0	0	UBND xã Vĩnh Tân	
7	Xây mới đường dây hạ thế tuyến đường tổ 8 ấp 3	Xã Vĩnh Tân	2021-2022	402	222	-	-	222	-	-	-	0							222	0	0	222	0	0	0	UBND xã Vĩnh Tân	
8	Xây mới đường dây hạ thế tuyến đường tổ 15, ấp 3	Xã Vĩnh Tân	2021-2022	131	74	-	-	74	-	-	-	0							74	0	0	74	0	0	0	UBND xã Vĩnh Tân	
9	Xây mới đường dây hạ thế tuyến đường tổ 7 ấp 3	Xã Vĩnh Tân	2021-2022	350	178	-	-	178	-	-	-	0							178	0	0	178	0	0	0	UBND xã Vĩnh Tân	
10	Xây mới đường dây hạ thế tuyến đường tổ 4 ấp 3	Xã Vĩnh Tân	2021-2022	307	170	-	-	170	-	-	-	0							170	0	0	170	0	0	0	UBND xã Vĩnh Tân	
11	Xây mới đường dây hạ thế phục vụ sản xuất nông nghiệp khu Bàu Ngũ, ấp Thái An	Xã Tân An	2021-2022	1.554	700	-	-	700	-	-	-	0							700	0	0	700	0	0	0	UBND xã Tân An	
12	Đường dây điện hạ thế tuyến đường Hồ Bông – Cây Xoài, xã Tân An	Xã Tân An	2023-2025	459	459	459	-	-	-	-	-	0							459	459	0	0	0	0	0	UBND xã Tân An	
13	Đường dây điện hạ thế tuyến đường tổ 4 ấp 3, xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2023-2025	203	203	203	-	-	-	-	-	0							203	203	0	0	0	0	0	UBND xã Vĩnh Tân	
VIII	**Lĩnh vực nông nghiệp phục vụ sản xuất**			**18.658**	**17.966**	**15.252**	**0**	**2.714**	**0**	**0**	**0**	**-170**	**-170**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**17.796**	**15.082**	**0**	**2.714**	**0**	**0**	**0**		
	Dự án khởi công mới											0							0	0	0	0	0	0	0		
1	Thay mới 10 máy bơm công suất 1000 m3/giờ và lắp mới 20 bộ tủ khởi động từ và biến tần các nhà trạm bơm	Huyện Vĩnh Cửu	2021-2023	3.269	3.269	3.269	0	-	0	0	0	-170	-170						3.099	3.099	0	0	0	0	0	TTDVNN	
2	Bê tông hóa kênh dẫn trạm bơm Bình Phước	xã Tân Bình	2021-2023	3.136	3.136	3.136	0	0	0	0	0	0							3.136	3.136	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
3	Xây mới, kè chống sạt lở trạm bơm Thiện Tân 3	xã Thiện Tân	2021-2023	1.500	808	808	0	0	0	0	0	0							808	808	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
4	Lắp đặt pa lăng trạm bơm Lợi Hòa, Tân An, Thiện Tân 1	xã Thiện Tân	2021-2023	674	674	674	0	0	0	0	0	0							674	674	0	0	0	0	0	TTDVNN	
5	Bê tông hóa kênh dẫn trạm bơm Bình Hòa 1	Xã Bình Hòa	2022-2025	1.507	1.507	1.507	0	0	0	0	0	0							1.507	1.507	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
6	Kiểm định an toàn quy trình vận hành, quy chế phối hợp phương án PCLB hồ Mo Nang	xã Tân An	2021-2022	1.273	1.273	1.273	0	0	0	0	0	0							1.273	1.273	0	0	0	0	0	Phòng NN PTNT	
7	Bê tông hóa kênh dẫn trạm bơm Long Chiến	Xã Bình Lợi	2023-2025	2.714	2.714	0	0	2.714	0	0	0	0							2.714	0	0	2.714	0	0	0	Ban QLDA	
8	Lắp đặt thiết bị quan trắc hồ Mo Nang	Huyện Vĩnh Cửu	2023-2025	1.500	1.500	1.500	0	0	0	0	0	0							1.500	1.500	0	0	0	0	0	Phòng NN PTNT	
9	Lập phương án ứng phó tình huống khẩn cấp hồ chứa nước Mo Nang	Xã Tân An	2023-2025	1.600	1.600	1.600	0	0	0	0	0	0							1.600	1.600	0	0	0	0	0	Phòng NN PTNT	
10	Gia cố mái taluy kênh chính hồ Mo Nang, xã Tân An	Xã Tân An	2023-2025	1.485	1.485	1.485	0	0	0	0	0	0							1.485	1.485	0	0	0	0	0	TTDVNN	
IX	**Chỉ lĩnh vực An ninh**			**55.215**	**27.173**	**30.722**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**-520**	**-520**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**30.202**	**30.202**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**		
	Dự án khởi công mới											0							0	0	0	0	0	0	0		
1	Xây dựng nhà ở tập thể Công an huyện	TT. Vĩnh An	2021-2023	11.000	9.683	9.683	0	0	0	0	0	0							9.683	9.683	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
2	Xây dựng kho lưu trữ, hội trường (khoảng 200 chỗ ngồi) Công an huyện	TT. Vĩnh An	2023-2025	8.546	7.793	7.793	0	0	0	0	0	-520	-520						7.273	7.273	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
3	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Công an xã Thiện Tân	xã Thiện Tân	2023-2025	3.960	3.931	3.931	0	-	0	0	0	0							3.931	3.931	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
4	Xây mới một số hạng mục trụ sở Công an xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2025	5.212	5.212	5.212	0	-	0	0	0	0							5.212	5.212	0	0	0	0	0	UBND xã Thạnh Phú	
5	Xây dựng Trụ sở Công an xã Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2023-2025	22.554	554	554	0	-	0	0	0	0							554	554	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
6	Sửa chữa một số hạng mục Trụ sở Công an xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2024-2026	3.943		3.549	0	-	0	0	0	0							3.549	3.549	0	0	0	0	0	UBND xã Phú Lý	
X	**Chỉ lĩnh vực Quốc phòng**			**20.641**	**20.493**	**20.493**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**20.493**	**20.493**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**		
	Dự án khởi công mới											0							0	0	0	0	0	0	0		
1	Xây dựng nhà trực ban nội vụ, nhà tiếp dân Ban CHQS huyện	TT. Vĩnh An	2023-2025	3.500	3.500	3.500	0	0	0	0	0	0							3.500	3.500	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
2	Xây dựng nhà để xe, kho lưu trữ tài liệu Ban CHQS huyện	TT. Vĩnh An	2021-2023	3.821	3.821	3.821	0	0	0	0	0	0							3.821	3.821	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
3	Công trình Quốc phòng (Căn cứ hậu cần - kỹ thuật kết hợp khu thao trường huấn luyện) huyện Vĩnh Cửu	Huyện VC	2021-2024	3.473	3.473	3.473	0	0	0	0	0	0							3.473	3.473	0	0	0	0	0	Ban CHQS	
4	Sửa chữa trụ sở làm việc và nhà làm việc Quân sự xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2023-2025	3.104	2.956	2.956	0	-	0	0	0	0							2.956	2.956	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
5	Sửa chữa mái, chống thấm UBND xã và Ban CHQS xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2023-2025	1.259	1.259	1.259	0	-	0	0	0	0							1.259	1.259	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
6	Nâng cấp, mở rộng và xây mới một số hạng mục của Ban CHQS xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2025	3.278	3.278	3.278	0	-	0	0	0	0							3.278	3.278	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
7	Cải tạo, sửa chữa nhà quân sự xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2023-2025	2.206	2.206	2.206	0	-	0	0	0	0							2.206	2.206	0	0	0	0	0	UBND xã Vĩnh Tân	
XI	**Lĩnh vực khoa học công nghệ**			**49.178**	**48.178**	**20.378**	**0**	**27.800**	**0**	**0**	**0**	**-2.870**	**-2.870**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**45.308**	**17.508**	**0**	**27.800**	**0**	**0**	**0**		
	Dự án khởi công mới											0							0	0	0	0	0	0	0		
1	Đầu tư nâng cấp thiết bị bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện	Huyện Vĩnh Cửu	2021-2023	1.327	1.327	1.327	0	0	0	0	0	0							1.327	1.327	0	0	0	0	0	VP. HDND&UBND	
2	Đầu tư hệ thống an ninh, an toàn thông tin trụ sở UBND huyện Vĩnh Cửu	Huyện Vĩnh Cửu	2021-2023	1.944	1.944	1.944	0	0	0	0	0	-370	-370						1.574	1.574	0	0	0	0	0	VP. HDND&UBND	
3	Đầu tư trang thiết bị chi Khối Đảng - Khối nhà nước và đoàn thể (Thuộc danh mục mua sắm tập trung và không thuộc danh mục mua sắm tập trung)	Huyện Vĩnh Cửu	2021-2023	2.143	2.143	2.143	0	0	0	0	0	0							2.143	2.143	0	0	0	0	0	Phòng TC-KH	
4	Đầu tư trang thiết bị cho các phòng ban, cơ quan trên địa bàn huyện năm 2023	Huyện Vĩnh Cửu	2023-2025	2.500	2.500	2.500	0	0	0	0	0	0							2.500	2.500	0	0	0	0	0	Phòng TC-KH	

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Tiến độ thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Tổng Nguồn vốn	Kế hoạch 2021-2025						Tổng điều chỉnh	Điều chỉnh Lần 6						Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh	Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh						Chủ đầu tư	Ghi chú
						NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỞNG VƯỢT THU	THU PHÍ SDHT		NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỞNG VƯỢT THU	THU PHÍ SDHT		NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỞNG VƯỢT THU	THU PHÍ SDHT		
5	Hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số xã Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2023-2025	2.686	1.686	1.686	0	0	0	0	0	0							1.686	1.686	0	0	0	0	0	UBND xã Bình Lợi	
6	Đầu tư, mua sắm hạ tầng ứng dụng CNTT trong các cơ quan, đơn vị, địa phương phục vụ công tác chuyển đổi số	Huyện Vĩnh Cửu	2023-2025	10.778	10.778	10.778	0	0	0	0	0	-2.500	-2.500						8.278	8.278	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
7	Đầu tư hệ thống Truyền thanh thông minh - viễn thông và bảng điện tử trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu	Huyện Vĩnh Cửu	2023-2025	27.800	27.800	0	0	27.800	0	0	0	0							27.800	0	0	27.800	0	0	0	Ban QLDA	
XII	**Lĩnh vực môi trường**			**11.125**	**10.782**	**10.782**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**10.782**	**10.782**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**		
	Dự án khởi công mới											0							0	0	0	0	0	0	0		
1	Xây dựng bãi tập kết rác tại Thị trấn Vĩnh An	Thị trấn Vĩnh An	2023-2025		0	0	-	-	-	-	-	0							0	0	0	0	0	0	0	UBND TT Vĩnh An	
2	Xây dựng trạm trung chuyển rác thải tại xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2022 -2024	1.795	1.795	1.795	0	0	**0**	**0**	**0**	0							1.795	1.795	0	0	0	0	0	UBND xã Phú Lý	
3	Xây dựng 02 trạm trung chuyển rác thải tại xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu liêm	2022 -2024	1.110	1.110	1.110	0	0	**0**	**0**	**0**	0							1.110	1.110	0	0	0	0	0	UBND xã Hiếu Liêm	
4	Xây dựng trạm trung chuyển rác thải tại xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2022 -2024	1.926	1.926	1.926	0	0	**0**	**0**	**0**	0							1.926	1.926	0	0	0	0	0	UBND xã Thạnh Phú	
5	Xây dựng trạm trung chuyển rác thải tại xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2022 -2024	1.042	1.042	1.042	0	0	**0**	**0**	**0**	0							1.042	1.042	0	0	0	0	0	UBND xã Mã Đà	
6	Xây dựng trạm trung chuyển rác thải tại xã Tân An	Xã Tân An	2022 -2024	3.393	3.050	3.050	0	0	0	0	**0**	0							3.050	3.050	0	0	0	0	0	UBND xã Tân An	
7	Xây dựng trạm trung chuyển rác thải tại xã Trị An	Xã Trị An	2024-2026	1.859	1.859	1.859	0	0	0	0	**0**	0							1.859	1.859	0	0	0	0	0	UBND xã Trị An	
XIII	**Chi lĩnh vực Văn hóa thông tin**			**80.985**	**69.964**	**39.015**	**7.581**	**28.600**	**0**	**0**	**0**	**730**	**730**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**75.926**	**39.745**	**7.581**	**28.600**	**0**	**0**	**0**		
	Dự án khởi công mới											0							0	0	0	0	0	0	0		
1	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa các hạng mục trung tâm Văn hóa thông tin và Thể thao huyện (nhà thi đấu kết hợp biểu diễn triển lãm huyện)	TT Vĩnh An	2021-2023	7.902	6.000	6.000	-	-	-	-	-	0							6.000	6.000	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
2	Sửa chữa cổng chào huyện tại các xã Vĩnh Tân và Bình Hòa	Huyện Vĩnh Cửu	2021-2022	2.803	2.803	2.803	0	0	0	0	0	0							2.803	2.803	0	0	0	0	0	Phòng VH-TT	
3	Nâng cấp sửa chữa Trung tâm văn hóa xã Tân An	Xã Tân An	2023-2025	3.246	3.214	3.214	0	0	0	0	0	0							3.214	3.214	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
4	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa khu phố 3, TT.Vĩnh An	TT Vĩnh An	2021-2023	498	498	498	-	-	-	-	-	0							498	498	0	0	0	0	0	UBND TT Vĩnh An	
5	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa khu phố 8, TT.Vĩnh An	TT Vĩnh An	2021-2023	357	357	357	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	0							357	357	0	0	0	0	0	UBND TT Vĩnh An	
6	Sửa chữa nhà văn hóa ấp Bình Trung, xã Tân An	Xã Tân An	2021-2023	366	366	366	-	-	-	-	-	0							366	366	0	0	0	0	0	UBND xã Tân An	
7	Sửa chữa nhà văn hóa ấp 2, xã Tân An	Xã Tân An	2021-2023	395	395	395	-	-	-	-	-	0							395	395	0	0	0	0	0	UBND xã Tân An	
8	Cải tạo, sửa chữa thư viện và kho lưu trữ huyện	TT Vĩnh An	2023-2025	3.016	3.016	3.016	-	-	-	-	-	0							3.016	3.016	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
9	Xây mới hội trường, một số hạng mục và cải tạo Trung tâm Văn hóa thông tin và thể thao huyện	TT Vĩnh An	2023-2025	30.310	28.000	4.000	-	24.000	-	-	-	0							28.000	4.000	0	24.000	0	0	0	Ban QLDA	
10	Sửa chữa Trung tâm VHTT-HTCD xã, nhà văn hóa các ấp xã Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2023-2025	4.833	4.600	-	-	4.600	-	-	-	0							4.600	0	0	4.600	0	0	0	UBND xã Bình Lợi	
11	Xây mới nhà văn hóa ấp Bình Lục - Xã Tân Bình	Xã Tân Bình	2021-2023	1.428	1.428	-	1.428	0	0	0	0	0							1.428	0	1.428	0	0	0	0	Ban QLDA	
12	Nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục nhà văn hóa xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2021-2023	3.500	3.500	-	3.500	0	0	0	0	0							3.500	0	3.500	0	0	0	0	Ban QLDA	
13	Lắm mới, lắp đặt hệ thống đèn Led phục vụ tết nguyên đán và các ngày lễ lớn trong năm	Huyện Vĩnh Cửu	2021-2024	2.653	2.653	-	2.653	0	0	0	0	0							2.653	0	2.653	0	0	0	0	Phòng VH-TT	
14	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa các ấp trên địa bàn xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2023-2025	4.815	4.815	4.815	0	0	0	0	0	0							4.815	4.815	0	0	0	0	0	UBND xã Phú Lý	
15	Cải tạo, sửa chữa các nhà văn hóa ấp thuộc xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2023-2025	3.588	3.588	3.588	0	0	0	0	0	0							3.588	3.588	0	0	0	0	0	UBND xã Vĩnh Tân	
16	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2023-2025	3.299	3.299	3.299	0	0	0	0	0	0							3.299	3.299	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
17	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 1 và 2 xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2024-2026	1.432	1.432	1.432	0	0	0	0	0	0							1.432	1.432	0	0	0	0	0	UBND xã Mã Đà	
18	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa kết hợp khu thể thao các ấp tại xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2024-2026	3.492		3.142	0	0	0	0	0	0							3.142	3.142	0	0	0	0	0	UBND xã Thạnh Phú	
19	Cải tạo, sửa chữa trung tâm VHTT - HTCD xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2024-2026	2.321		2.090	0	0	0	0	0	0							2.090	2.090	0	0	0	0	0	UBND xã Thạnh Phú	
20	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống đèn trang trí và 02 cổng chào trên địa bàn huyện	Huyện Vĩnh Cửu	2024-2026	731								730	730						730	730	0	0	0	0	0	Phòng VH-TT	
XIV	**Lĩnh vực Thể dục - Thể thao**			**34.171**	**24.816**	**23.590**	**7.899**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**31.489**	**23.590**	**7.899**	**0**	**0**	**0**	**0**		
XIV.1	**Công trình chuyển tiếp**			**2.700**	**2.450**	**-**	**2.450**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**2.450**	**-**	**2.450**	**-**	**-**	**-**	**-**		
1	Nâng cấp, cải tạo sân bóng đá xã Thiện tân	xã Thiện Tân	2020-2022	2.700	2.450	-	2.450	-	-	-	-	0							2.450	0	2.450	0	0	0	0	Ban QLDA	
XIV.2	**Dự án khởi công mới**			**31.471**	**22.366**	**23.590**	**5.449**	-	-	-	-	**0**	-	-	-	-	-	-	**29.039**	**23.590**	**5.449**	-	-	-	-		
1	Lắp đặt trang thiết bị, dụng cụ tập luyện thể dục, thể thao trên địa bàn huyện	TT. Vĩnh An	2021-2023	3.480	3.480	3.480	0	0	0	0	0	0							3.480	3.480	0	0	0	0	0	Phòng VHTT	
2	Xây dựng sân bóng đá kết hợp khu thể thao xã Tân An	Xã Tân An	2023-2025	6.169	5.679	5.679	0	0	0	0	0	0							5.679	5.679	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
3	Xây dựng khu thể thao xã Tân Bình	Xã Tân Bình	2023-2025	8.958	7.758	7.758	0	0	0	0	0	0							7.758	7.758	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
4	Lắp đặt trang thiết bị, dụng cụ tập luyện thể dục, thể thao và trò chơi trẻ em trên địa bàn huyện	TT Vĩnh An	2023-2025	5.449	5.449	0	5.449	0	0	0	0	0							5.449	0	5.449	0	0	0	0	Phòng VHTT	
5	Xây dựng một số hạng mục trong khuôn viên Trung tâm văn hoá xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2024-2026	2.310		2.079	0	0	0	0	0	0							2.079	2.079	0	0	0	0	0	UBND xã Phú Lý	
	Xây dựng mới một số hạng mục khu thể thao xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2024-2026	2.112		1.900	0	0	0	0	0	0							1.900	1.900	0	0	0	0	0	UBND xã Phú Lý	
6	Xây dựng khu thể thao xã Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2024-2026	2.993		2.694	0	0	0	0	0	0							2.694	2.694	0	0	0	0	0	UBND xã Bình Lợi	
XV	**Giáo dục- Đào tạo-Dạy nghề**			**759.299**	**419.452**	**11.700**	**345.941**	**48.720**	-	**33.091**	-	**54.641**	**(1.003)**	**93.246**	**-37.602**	-	**0**	-	**494.093**	**10.697**	**439.187**	**11.118**	-	**33.091**	-		
XV.1	**Công trình chuyển tiếp**			**311.455**	**191.613**	**5.350**	**186.263**	-	-	-	-	**(1.003)**	**(1.003)**	-	-	-	-	-	**190.610**	**4.347**	**186.263**	-	-	-	-		
1	XD mới trường Mầm non Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2020-2022	41.632	1.300	-	1.300	0	0	0	0	0							1.300	0	1.300	0	0	0	0	Ban QLDA	
2	Xây mới khối lớp học 15 phòng trường THCS Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2020-2022	14.976	5.300	-	5.300	0	0	0	0	0							5.300	0	5.300	0	0	0	0	Ban QLDA	
3	Nâng cấp, mở rộng trường THCS Lê Quý Đôn (đạt chuẩn quốc gia)	TT Vĩnh An	2020-2022	14.965	4.973	-	4.973	0	0	0	0	0							4.973	0	4.973	0	0	0	0	Ban QLDA	

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Tiến độ thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Tổng Nguồn vốn	Kế hoạch 2021-2025						Tổng điều chỉnh	Điều chỉnh Lần 6						Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh	Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh						Chủ đầu tư	Ghi chú
						NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỞNG VƯỢT THU	THU PHÍ SDHT		NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỞNG VƯỢT THU	THU PHÍ SDHT		NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỞNG VƯỢT THU	THU PHÍ SDHT		
4	Trường Mầm non Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2020-2022	31.287	19.179	-	19.179	0	0	0	0	0							19.179	0	19.179	0	0	0	0	Ban QLDA	
5	Trường Mầm non Son Ca (Mầm non Cây Gáo)	TT Vĩnh An	2020-2022	49.979	29.587	-	29.587	0	0	0	0	0							29.587	0	29.587	0	0	0	0	Ban QLDA	
6	Xây dựng môi trường TH Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2020-2022	27.000	12.350	-	12.350	0	0	0	0	0							12.350	0	12.350	0	0	0	0	Ban QLDA	
7	Xây mới trường Tiểu học - Trung học cơ sở Mã Đà (vốn huyện 22,033)	Xã Mã Đà	2020-2023	68.864	62.500	2.200	60.300	-	-	-	-	0							62.500	2.200	60.300	0	0	0	0	Ban QLDA	
8	Trường Tiểu học Tân Phú (vốn huyện 12,434)	Xã Thạnh Phú	2020-2023	57.569	51.241	2.000	49.241	0	0	0	0	0							51.241	2.000	49.241	0	0	0	0	Ban QLDA	
9	Xây dựng mô hình thư viện thân thiện tại các trường TH. THCS	Huyện Vĩnh Cửu	2020-2022	2.494	2.494	550	1.944	0	0	0	0	-470	-470						2.024	80	1.944	0	0	0	0	P. GD&ĐT	
10	Xây dựng khu học tập trải nghiệm sáng tạo stem trong trường học khối Tiểu học	Huyện Vĩnh Cửu	2020-2022	2.689	2.689	600	2.089	0	0	0	0	-533	-533						2.156	67	2.089	0	0	0	0	P. GD&ĐT	
XV.2	**Dự án khởi công mới**			**447.844**	**227.839**	**6.350**	**159.678**	**48.720**	**-**	**33.091**	**-**	**55.644**	**-**	**93.246**	**(37.602)**	**-**	**-**	**-**	**303.483**	**6.350**	**252.924**	**11.118**	**-**	**33.091**	**-**		
1	Mở rộng trường MN Họa Mi	Xã Thạnh Phú	2021-2023	13.555	13.421	0	13.421	0	0	0	0	0							13.421	0	13.421	0	0	0	0	Ban QLDA	
2	Cải tạo sửa chữa trường MN Tân An	Xã Tân An	2022-2024	3.275	2.972	0	2.972	0	0	0	0	0							2.972	0	2.972	0	0	0	0	Ban QLDA	
3	Xây dựng trường MN Bình Hòa (giai đoạn 2)	Xã Bình Hòa	2022-2023	11.112	11.112	0	11.112	0	0	0	0	0							11.112	0	11.112	0	0	0	0	Ban QLDA	
4	Xây mới Trường tiểu học Cây Gáo B (cơ sở 2)	TT Vĩnh An	2022-2024	33.298	29.662	0	6.352	0	0	23.310	0	0							29.662	0	6.352	0	0	23.310	0	Ban QLDA	
5	Nâng cấp, sửa chữa trường Tiểu học Tân An	Xã Tân An	2022-2024	12.113	11.245	0	11.245	0	0	0	0	0							11.245	0	11.245	0	0	0	0	Ban QLDA	
6	Cải tạo sửa chữa trường tiểu học Tân Triều	Xã Tân Bình	2022-2024	12.077	11.858	0	959	1.118	0	9.781	0	0							11.858	0	959	1.118	0	9.781	0	Ban QLDA	
7	Cải tạo sửa chữa trường TH Thiện Tân (cơ sở 2)	Xã Thiện Tân	2022-2024	2.986	1.600	0	1.600	0	0	0	0	0							1.600	0	1.600	0	0	0	0	Ban QLDA	
8	Cải tạo sửa chữa trường THCS Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2021-2023	3.841	3.841	0	3.841	0	0	0	0	0							3.841	0	3.841	0	0	0	0	Ban QLDA	
9	Xây dựng nhà vệ sinh thân thiện, sáng, sạch, đẹp tại các trường MN- TH - THCS trên địa bàn huyện	Huyện Vĩnh Cửu	2021-2023	1.491	1.491	0	1.491	0	0	0	0	0							1.491	0	1.491	0	0	0	0	Ban QLDA	
10	Xây dựng khu học tập trải nghiệm sáng tạo stem trong trường học khối THCS	Huyện Vĩnh Cửu	2021-2023	2.658	2.658	0	2.658	0	0	0	0	0							2.658	0	2.658	0	0	0	0	P. GD&ĐT	
11	Xây dựng khu học tập trải nghiệm sáng tạo stem trong trường học khối MN	Huyện Vĩnh Cửu	2022-2024		0	0	0	0	0	0	0	0							0	0	0	0	0	0	0	P. GD&ĐT	
12	Sửa chữa trường THCS Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2023-2025	5.562	5.562	0	5.562	0	0	0	0	0							5.562	0	5.562	0	0	0	0	Ban QLDA	
13	Cải tạo, sửa chữa trường Mầm non Trị An (cơ sở 1)	Xã Trị An	2023-2025	3.212	3.212	0	3.212	0	0	0	0	0							3.212	0	3.212	0	0	0	0	Ban QLDA	
14	Nâng cấp, mở rộng trường tiểu học Bàu Phụng	Xã Phú Lý	2023-2025	20.872	19.500	0	19.500	0	0	0	0	-2.000		-2.000					17.500	0	17.500	0	0	0	0	Ban QLDA	
15	Xây dựng mới và cải tạo một số hạng mục trường TH Phú Lý	Xã Phú Lý	2023-2026	49.602	41.602	0	14.000	27.602	0	0	0	2.398		30.000	-27.602				44.000	0	44.000	0	0	0	0	Ban QLDA	
16	Xây dựng mới 01 khối phòng học và cải tạo, sửa chữa trường mầm non Phong Lan	TT Vĩnh An	2023-2025	19.799	19.799	0	19.799	0	0	0	0	0							19.799	0	19.799	0	0	0	0	Ban QLDA	
17	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Sông Mây	Xã Vĩnh Tân	2023-2025	9.348	8.500	0	8.500	0	0	0	0	0							8.500	0	8.500	0	0	0	0	Ban QLDA	
18	Cải tạo, nâng cấp hệ thống PCCC trường tiểu học Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2025	3.251	3.100	0	3.100	0	0	0	0	0							3.100	0	3.100	0	0	0	0	Ban QLDA	
19	Cải tạo, nâng cấp hệ thống PCCC trường Mầm non Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2023-2025	2.818	2.700	0	2.700	0	0	0	0	0							2.700	0	2.700	0	0	0	0	Ban QLDA	
20	Cải tạo, nâng cấp hệ thống PCCC trường tiểu học Cây Gáo A	TT Vĩnh An	2023-2025	3.034	2.900	0	2.900	0	0	0	0	0							2.900	0	2.900	0	0	0	0	Ban QLDA	
21	Xây mới sân bóng đá các trường THCS trên địa bàn huyện	Địa bàn huyện	2024-2026	6.350	6.350	6.350	0	0	0	0	0	0							6.350	6.350	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
22	Xây dựng mới trường TH Kim Đồng (cơ sở 2)	TT Vĩnh An	2024-2026	44.754	24.754	0	14.754	10.000	0	0	0	15.246		25.246	-10.000				40.000	0	40.000	0	0	0	0	Ban QLDA	
23	Xây dựng trường TH-THCS Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2024-2026	140.745		0	10.000	10.000	0	0	0	20.000		20.000					40.000	0	30.000	10.000	0	0	0	Ban QLDA	
24	Nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới một số hạng mục trường Tiểu học Cây Gáo B (cơ sở 1)	TT Vĩnh An	2024-2026	42.091								20.000		20.000					20.000	0	20.000	0	0	0	0	Ban QLDA	
XVI	**Lĩnh vực đảm bảo xã hội**			**13.014**	**3.501**	**2.011**	**-**	**1.490**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**3.501**	**2.011**	**-**	**1.490**	**-**	**-**	**-**		
	Dự án khởi công mới											0							0	0	0	0	0	0	0		
1	Xây mới 100 vô mộ liệt sĩ trong nghĩa trang liệt sĩ huyện Vĩnh Cửu	xã Thiện Tân	2021-2022	2.500	1.811	1.811	-	-	0	0	-	0							1.811	1.811	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
2	Cải tạo mái đá công viên, sửa chữa nhà quản trang nghĩa trang liệt sĩ huyện Vĩnh Cửu	Xã Thiện Tân	2022-2024	8.224	200	200	0	-	0	0	-	0							200	200	0	0	0	0	0	Ban QLDA	
3	Xây mới nhà bia ghi danh các liệt sĩ xã Tân An	Xã Tân An	2021-2022	2.290	1.490	-	-	1.490	-	-	-	0							1.490	0	0	1.490	0	0	0	UBND xã Tân An	
XVII	**Chi lĩnh vực kinh tế khác**			**37.619**	**37.331**	**-**	**-**	**23.331**	**-**	**-**	**14.000**	**-1.400**	**-**	**-**	**8.400**	**-**	**-**	**-9.800**	**35.931**	**-**	**-**	**31.731**	**-**	**-**	**4.200**		
1	Khu tái định cư Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2023-2025	30.431	30.431	-	-	16.431	-	-	14.000	-1.400			8.400			-9.800	29.031	0	0	24.831	0	0	4.200	Ban QLDA	
2	Sửa chữa Hạ Tầng khu tái định cư ấp 5, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2025	7.188	6.900	-	-	6.900	-	-	-	0							6.900	0	0	6.900	0	0	0	Phòng KT-HT	
XVII	**Chi lĩnh vực Y tế**			**607**	**-**	**607**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**607**	**607**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**		
	Bồi thường, hỗ trợ dự án Trạm Y tế xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2024	607		607	-	-	-	-	-								607	607	0	0	0	0	0	UBND Mã Đà	
XIX	**Chi lĩnh vực tài chính và khác**			**32.000**	**34.000**	**30.000**	**-**	**4.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**34.000**	**30.000**	**-**	**4.000**	**-**	**-**	**-**		
1	NSH ủy thác sang NHCSXH để cho vay đối với hộ nghèo và đối tượng chính sách	Huyện Vĩnh Cửu	hàng năm	27.000	29.000	26.000	-	3.000	0	0	-	0							29.000	26.000	0	3.000	0	0	0	NHCSXH huyện	
2	Quỹ hỗ trợ nông dân	Huyện Vĩnh Cửu	hàng năm	5.000	5.000	4.000	-	1.000	0	0	-	0							5.000	4.000	0	1.000	0	0	0	Hội Nông dân	
XX	**Hỗ trợ khen thưởng NTM**			**10.350**	**10.750**	**-**	**6.750**	**4.200**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**10.950**	**-**	**6.750**	**4.200**	**-**	**-**	**-**		
1	**Khen thưởng NTM nâng cao cho xã Vĩnh Tân**	Xã Vĩnh Tân	2021	1.000	1.000	0	1.000	0	0	0	0	0							1.000	0	1.000	0	0	0	0	Cấp chuyển giao	
2	**Khen thưởng NTM nâng cao cho xã Thiện Tân**	Xã Thiện Tân	2022	1.000	1.000	0	1.000	0	0	0	0	0							1.000	0	1.000	0	0	0	0	Cấp chuyển giao	
3	**Khen thưởng NTM xã Tân An**	xã Tân An	2022	1.000	1.000	-	1.000	-	-	-	-	0							1.000	0	1.000	0	0	0	0	Cấp chuyển giao	
4	**Khen thưởng NTM kiểu mẫu xã Tân Bình**	Xã Tân Bình	2023	1.000	1.000	-	-	1.000	0	0	-	0							1.000	0	0	1.000	0	0	0	Cấp chuyển giao	
5	**Khen thưởng NTM kiểu mẫu xã Phú Lý**	Xã Phú Lý	2024	1.000	1.000	-	1.000	-	0	0	-	0							1.000	0	1.000	0	0	0	0	Cấp chuyển giao	
6	**Hỗ trợ thực hiện XD khu dân cư kiểu mẫu**			**2.550**	**2.550**	**-**	**1.350**	**1.200**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**2.550**	**-**	**1.350**	**1.200**	**-**	**-**	**-**		
	Xã Bình Lợi (03 khu)	Xã Bình Lợi	2022	450	450	0	450	-	-	-	-	0							450	0	450	0	0	0	0	Cấp chuyển giao	
	Xã Phú Lý (02 khu)	Xã Phú Lý	2022	300	300	0	300	-	-	-	-	0							300	0	300	0	0	0	0	Cấp chuyển giao	
	Xã Hiếu Liêm (01 khu)	Xã Hiếu Liêm	2022	150	150	0	150	-	-	-	-	0							150	0	150	0	0	0	0	Cấp chuyển giao	
	Xã Vĩnh Tân (01 khu)	Xã Vĩnh Tân	2022	150	150	0	150	-	-	-	-	0							150	0	150	0	0	0	0	Cấp chuyển giao	
	Xã Trị An (01 khu)	Xã Trị An	2022	150	150	0	150	-	-	-	-	0							150	0	150	0	0	0	0	Cấp chuyển giao	
	Xã Tân Bình (01 khu)	Xã Tân Bình	2022	150	150	0	150	-	-	-	-	0							150	0	150	0	0	0	0	Cấp chuyển giao	
	Xã Bình Lợi (01 khu)	Xã Bình Lợi	2024	150	150	0	-	150	-	-	-	0							150	0	0	150	0	0	0	Cấp chuyển giao	
	Xã Thạnh Phú (01 khu)	Xã Thạnh Phú	2024	150	150	0	-	150	-	-	-	0							150	0	0	150	0	0	0	Cấp chuyển giao	

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Tiến độ thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Tổng Nguồn vốn	Kế hoạch 2021-2025						Tổng điều chỉnh	Điều chỉnh Lần 6						Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh	Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh						Chủ đầu tư	Ghi chú
						NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỞNG VƯỢT THU	THU PHÍ SDHT		NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỞNG VƯỢT THU	THU PHÍ SDHT		NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỞNG VƯỢT THU	THU PHÍ SDHT		
	Xã Thiện Tân (01 khu)	Xã Thiện Tân	2024	150	150	0	-	150	-	-	-	0							150	0	0	150	0	0	0	Cấp chuyển giao	
	Xã Tân An (01 khu)	Xã Tân An	2024	150	150	0	-	150	-	-	-	0							150	0	0	150	0	0	0	Cấp chuyển giao	
	Xã Trị An (01 khu)	Xã Trị An	2024	150	150	0	-	150	-	-	-	0							150	0	0	150	0	0	0	Cấp chuyển giao	
	Xã Vĩnh Tân (01 khu)	Xã Vĩnh Tân	2024	150	150	0	-	150	-	-	-	0							150	0	0	150	0	0	0	Cấp chuyển giao	
	Xã Mã Đà (01 khu)	Xã Mã Đà	2024	150	150	0	-	150	-	-	-	0							150	0	0	150	0	0	0	Cấp chuyển giao	
	Xã Phú Lý (01 khu)	Xã Phú Lý	2024	150	150	0	-	150	-	-	-	0							150	0	0	150	0	0	0	Cấp chuyển giao	
7	Khen thưởng khu dân cư đạt chuẩn KDC kiểu mẫu			2.400	2.800	-	1.000	2.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.000	-	1.000	2.000	-	-	-		
	Xã Bình Lợi (04 khu)	Xã Bình Lợi	2022-2023	400	800	0	400	400	-	-	-	0							800	0	400	400	0	0	0	Cấp chuyển giao	
	Xã Bình Hòa (02 khu)	Xã Bình Hòa	2023	400	200	0	-	200	-	-	-	0							200	0	0	200	0	0	0	Cấp chuyển giao	
	Xã Phú Lý (03 khu)	Xã Phú Lý	2023-2024	400	600	0	-	600	-	-	-	0							600	0	0	600	0	0	0	Cấp chuyển giao	
	Xã Hiếu Liêm (02 khu)	Xã Hiếu Liêm	2023-2024	200	400	0	-	400	-	-	-	0							400	0	0	400	0	0	0	Cấp chuyển giao	
	Xã Trị An (01 khu)	Xã Trị An	2023	200	200	0	-	200	-	-	-	0							200	0	0	200	0	0	0	Cấp chuyển giao	
	Xã Tân Bình (03 khu)	Xã Tân Bình	2022	600	600	0	600	-	-	-	-	0							600	0	600	0	0	0	0	Cấp chuyển giao	
	Xã Vĩnh Tân (01 khu)	Xã Vĩnh Tân	2024	200		0	-	200	-	-	-	0							200	0	0	200	0	0	0	Cấp chuyển giao	
8	Khen thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao			400	400	-	400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	400	-	400	-	-	-	-		
	Xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2022	200	200	0	200	-	-	-	-	0							200	0	200	0	0	0	0	Cấp chuyển giao	
	Xã Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2022	200	200	0	200	-	-	-	-	0							200	0	200	0	0	0	0	Cấp chuyển giao	
XXI	Dự phòng chưa phân bổ				41.246	8.895	18.367	13.984	0	0	0	1.580	2.459	-7.151	-5.528	0	0	9.800	40.826	11.354	11.216	8.456	0	0	9.800		